

B, ngày 31 tháng 10 năm 2024

Số: 1597/2024/QĐST-VHNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2269/2024/TLST-VHNGĐ, ngày 14/10/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Sĩ H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 7B, khu phố Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Chu Thị Thủy**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 7B, khu phố Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Sĩ H và bà Chu Thị Th tự nguyện tìm hiểu nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Tân, huyện Long Thành (nay là phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa) tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103, cấp ngày 27/01/2003 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Hòa và bà Thủy xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 26/3/2004 và Nguyễn Sĩ Phong, sinh ngày 11/6/2011. Ly hôn, ông Hòa bà Thủy thống nhất giao cháu Phong cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Thủy không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Thanh đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Sĩ Hòa và bà Chu Thị Thủy mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng

300.000đ ông Hòa và bà Thủy đã nộp theo biên lai thu số 0004039 ngày 04/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Sĩ Hòa và bà Chu Thị Thủy thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Sĩ Hòa và bà Chu Thị Thủy, giao con chung là cháu Nguyễn Sĩ Phong, sinh ngày 11/6/2011 cho ông Nguyễn Sĩ Hòa trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, bà Chu Thị Thủy không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thị Phương Thanh đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Thủy được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Nguyễn Sĩ Hòa và bà Chu Thị Thủy mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ ông Nguyễn Sĩ Hòa và bà Chu Thị Thủy đã nộp theo biên lai thu số 0004039 ngày 04/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào

